

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/ 2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Chanh T, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2019 cùng với các T1 liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Đỗ Thị Chanh T trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn T1 do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo số 79/HT, theo quyền số 01/2015 vào ngày 20/7/2015. Sau khi kết hôn cả hai lên Đồng Nai làm công nhân được vài năm, sau đó về quê sinh sống cho tới khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình giữa hai bên không hợp, ông T1 đi làm về không đưa tiền cho bà phụ giúp nuôi con dẫn đến cãi vã, bà bỏ về nhà cha mẹ sống từ khoảng tháng 02 năm 2019 cho tới nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/02/2018, cháu hiện nay đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T1 theo quy định nhưng ông T1 vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông T1, Tòa án có đến nhà của ông T1 để ghi nhận ý kiến của ông nhưng không gặp ông nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 17/7/2019, được bà Huỳnh Thị Nhẹ là mẹ của ông T1 cho biết hôn nhân giữa T và T1 là do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã VHĐ. Trong quá trình chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi về vấn đề tiền bạc và T đã bỏ về nhà cha mẹ T sống từ trước tết nguyên đán năm 2019 cho tới nay. Khi chung sống giữa T1 và T có 01 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/02/2018. Cháu hiện nay sống với T và gia đình T, giữa hai bên không có tài sản chung và nợ chung. Hiện nay T1 vẫn còn sinh sống và có hộ khẩu tại xã VHĐ.

Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2019 được công an xã VHĐ cho biết hiện ông T1 vẫn còn đăng ký thường trú tại xã theo tàng thư công an đang giữ. Hiện ông T1 vẫn ở địa phương.

Tại phiên tòa bà T vẫn bảo lưu ý kiến, cho biết thời gian không chung sống cả hai không có liên lạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Riêng ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà T và ông T1 có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/02/2018, cháu hiện nay đang sống với bà T. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu L sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là giao cháu lại cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và ông T1 có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Chanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Đồng thời, ông T1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T ly hôn với ông T1 thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình giữa bà T và ông T1 không phù hợp, thường hay cãi vã, ông T1 không lo cho gia đình và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ dịp Tết Nguyên đán năm 2019 đến nay, thời gian không còn chung sống cả hai không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/02/2018, đang sống với bà T. Xét thấy cháu L dưới 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu L cho bà T được nuôi dạy.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà T và ông T1 có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Chanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/02/2018 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Chanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011314 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/HT, quyển số 01/2015 cấp ngày 20/7/2015 tại UBND xã VHD không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã VHD (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

Nguyễn Quang Bảo